TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANGTỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2024/DS-ST.
Ngày: 17/01/ 2025.
"V/v: *Tranh chấp kiện đòi nợ tiền phát sinh từ hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Cảnh;
2. Bà Vương Thị Hội.
- Thư ký phiên toà: Ông Phan Đình Mão – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 17/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện K, tỉnh Gia Lai. TAND huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-DS, ngày 21/10/2024. Về việc: ***"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐST -DS ngày 09/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST- DS, ngày 25/12/2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C (CSXH).
Địa chỉ: Tòa nhà C, bán đảo L, quận H, TP ..
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Gia Lai.
Địa chỉ chi nhánh: Số B, đường Q, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.
-Bị đơn: Ông Triệu Văn V, sinh năm 1982.
Địa chỉ: Làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị V1, sinh năm 1983;
Địa chỉ: Làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai.
Bà H và ông V có đơn xin vắng mặt; bà V1 lần thứ hai đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/10/2024; Bản tự khai ngày 21/10/2024; Biên bản hòa giải ngày 26/11/2024, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 17/7/2020, ông Triệu Văn V và người ủy quyền vay là bà Nông Thị V1 đã vay từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thông qua Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Gia Lai với số tiền là 50.000.000 đồng; theo sổ vay vốn có mã khách hàng 4200023705; mục đích sử dụng tiền vay để

nuôi trâu sinh sản; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 17/04/2020, lãi suất cho vay là 7,92%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn; hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

Tuy nhiên, sau khi ông V và bà V1 được Ngân hàng cho vay vốn thì ông bà đã không chấp hành quy ước hoạt động của của Tổ tiết kiệm và vay vốn về việc trả nợ gốc theo phân kì và lãi hàng tháng cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng cùng tổ vay vốn đã nhiều lần yêu cầu ông V và bà V1 thực hiện việc trả nợ. Tính đến ngày 17/10/2024, ông V và bà V1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 50.661.808 đồng (năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm linh tám đồng); bao gồm: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 661.808 đồng.

Đại diện nguyên đơn còn yêu cầu ông V và bà V1, ngoài việc phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi được ghi trong đơn khởi kiện thì còn phải tiếp tục trả số tiền nợ lãi trong hạn phát sinh đến ngày 17/01/2025 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 987.288 đồng.

Như vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V1 phải trả nợ phải cho Ngân hàng CSXH thông qua Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Gia Lai tổng số tiền là 51.649.096 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn đến ngày 17/01/2025 là 1.649.096 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Các tài liệu, chứng cứ được đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Gia Lai đối với ông Triệu Văn V (bản sao); 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của ông Triệu Văn V (bản sao); 01 Quyết định v/v ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300 ngày 19/9/2019 (bản photo); 01 Số vay vốn đối với khách hàng vay ông Triệu Văn V (bản sao); 01 biên bản làm việc ngày 26/9/2024 đối với khách hàng ông Triệu Văn V (bản sao).

Tại bản tự khai ngày 30/10/2024, biên bản hòa giải ngày 26/11/2024, đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt ngày 31/12/2024, bị đơn ông Triệu Văn V trình bày:

Nội dung Ngân hàng C khởi kiện, do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện C, tỉnh Gia Lai trình bày là đúng sự thật. Cụ thể, vào ngày 17/7/2020, ông là người vay còn bà Nông Thị V1 là người ủy quyền cho ông, đã vay từ nguồn vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch huyện C, tỉnh Gia Lai, ông, bà đã được Ngân hàng giải ngân số tiền là 50.000.000 đồng, theo số vay vốn có mã khách hàng 4200023705; mục đích sử dụng tiền vay để nuôi trâu sinh sản; thời hạn vay là 60 tháng, kể từ ngày 17/7/2020, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 17/7/2025; lãi suất cho vay là 7,92%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn; hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

Tuy nhiên, sau khi vay vốn thì ông và bà Nông Thị V1 đều không chấp hành quy ước hoạt động của Tổ tiết kiệm và vay vốn về việc trả nợ gốc theo phân kì và lãi hàng tháng cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng cùng tổ vay vốn đã nhiều lần yêu cầu ông và bà V1 thực hiện việc trả nợ.

Tính đến ngày 17/10/2024 ông và bà V1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 50.661.808 đồng (năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm linh tám đồng). Bao gồm: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 661.808 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 17/10/2024.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nông Thị V1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Kbang đã triệu tập bà V1 đến Tòa làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia các phiên hoà giải do Toà án tiến hành nhưng bà V1 không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Vì vậy, Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại hai phiên toà được mở lần thứ nhất vào ngày 25/12/2024 và phiên tòa mở lần thứ hai vào ngày hôm nay, mặc dù đã được Toà án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa; Quyết định Hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bà V1 đã cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu người vay là bị đơn ông Triệu Văn V có địa chỉ tại làng Đ, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200023705 đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án *"Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bà V1 đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng bà đều cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Đinh Thị Thu H và bị đơn ông Triệu Văn V đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là sổ vay vốn có mã khách hàng 4200023705 ghi họ và tên người vay là ông Triệu Văn V và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ với hình thức bảo đảm tiền vay là cho vay là tín chấp, thời hạn vay là 60 tháng, hộ ông V phải trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng; tất cả các điều kiện trên

của bên cho vay và bên vay đã được ông V thừa nhận bằng việc ký và nhận số tiền của khoản vay là 50.000.000 đồng.

Sau khi vay tiền cho đến nay ông V và bà V1 đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được nợ gốc theo định kỳ và nợ lãi như cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông trả nợ nên, ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Điều này được ông V thừa nhận. Đối với bà V1 luôn vắng mặt, trốn tránh trong các lần Tòa án triệu tập làm việc đã thể hiện việc bà V1 không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà V1 đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, đồng thời mặc nhiên thể hiện việc vay nợ mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng, khi quá thời hạn trả nợ Ngân hàng khởi kiện thì bà V1 có nghĩa vụ cùng trả nợ cho Ngân hàng.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Triệu Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị V1 phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 51.649.096 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn đến ngày 17/01/2025 là 1.649.096 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh đối với khoản vay theo thỏa thuận là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về án phí DSST:

Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí DSST;

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương, nên được miễn nộp án phí Dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 179; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 103, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C. Buộc bị đơn ông V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V1 phải liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng là 51.649.096 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 50.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.649.096 đồng *(tính đến ngày 17/01/2025 ngày xét xử sơ thẩm).*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc

này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Triệu Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị V1.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai.
-VKSND huyện Kbang.
-THADS huyện Kbang
(khi có HLPL);
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lành